| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 76 /2026/NQ-HĐND | *An Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2026* |

# NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh An Giang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật;*

*Xét Tờ trình số 937/TTr-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh An Giang.*

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh An Giang.**

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

2. Nghị quyết số 539/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Các nội dung không quy định tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định

lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2026.*

***Nơi nhận:***
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

**CHỦ TỊCH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**Trần Thị Thanh Hương**

| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# QUY ĐỊNH

**Mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh An Giang được quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước; các đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ công lập; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Mức chi thực hiện các nội dung công việc có tính chất phổ biến về hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật**

Chi đối với các nội dung công việc có tính chất phổ biến trong hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng theo các định mức chi có nội dung tương tự quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, bao gồm:

1. Chi công tác phí trong nước, chi tổ chức hội nghị, hội thảo: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025

của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Chi công tác phí nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 44/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Chi dịch thuật, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, chi tiếp khách trong nước và quốc tế: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 55/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi cụ thể tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam, mức chi cụ thể tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh An Giang.

4. Chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

5. Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước: Áp dụng theo mức lương quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV ngày 05 tháng 05 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở xác định giá gói thầu.

6. Chi tổ chức hoạt động đào tạo nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang.

7. Ngoài các định mức chi quy định tại Điều này, định mức chi đối với các nội dung công việc có tính chất chuyên môn của hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được quy định từ Điều 3 đến Điều 9 Quy định này.

**Điều 3. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

Ngoài các mức chi quy định tại Điều 2 Quy định này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau:

1. Mức chi biên soạn bản đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương làm căn cứ xét duyệt để đưa vào kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 1.800.000 đồng/01 dự án, bản đề xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức chi xét duyệt đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

a) Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi;

b) Thành viên: 700.000 đồng/người/buổi.

**Điều 4. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật**

Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 2 Quy định này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định như sau:

1. Mức chi soạn thảo kế hoạch phổ biến quy chuẩn kỹ thuật: 2.000.000 đồng/kế hoạch được duyệt.

2. Chi thuê tổ chức, cá nhân sáng tạo nội dung sản xuất, xuất bản các sản phẩm truyền thông để phổ biến quy chuẩn kỹ thuật trên các nền tảng số, mạng xã hội: Được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thuê, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xét duyệt; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

3. Chi tổ chức các hoạt động phổ biến quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm cả việc tổ chức các cuộc thi, hội thi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 5. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

Ngoài các mức chi quy định tại Điều 2 Quy định này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau:

1. Chi thu thập, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, tư liệu về các cam kết quốc tế có liên quan; căn cứ pháp lý, khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước và mức độ rủi ro của đối tượng quản lý: Áp dụng theo mức chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại quy định nội dung và mức chi quản lý; nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các chức danh tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Chi lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật, mối nguy và mức độ rủi ro nhằm xác định phương thức, biện pháp quản lý phù hợp trong dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

a) Chi mua mẫu, thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu, vật tư, hóa chất để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có), giá niêm yết hoặc báo giá liên quan.

Đối với việc lấy mẫu nhỏ lẻ trên nhiều địa bàn (nếu có), tiền công lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: 500.000 đồng/ngày công.

Trường hợp đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương có chức năng, cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tự thực hiện hoạt động phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: việc

xác định hao phí cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ phân tích, khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc áp dụng thử làm căn cứ lập dự toán được xác định theo mức khấu hao tài sản được quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Sau khi quy chuẩn kỹ thuật địa phương được ban hành, phần kinh phí tương ứng với chi phí hao phí tài sản được quyết toán và trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nếu đơn vị chủ trì là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc trích lập Quỹ đầu tư phát triển nếu đơn vị chủ trì là tổ chức ngoài công lập theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính và quy định pháp luật có liên quan.

b) Tiền công phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn báo cáo kết quả phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương; biên soạn thuyết minh đề nghị bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương; lập báo cáo kết quả thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định: 1.000.000 đồng/ngày công. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Trường hợp thuê dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp.

3. Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

a) Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương đơn ngành, lĩnh vực, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (nếu có): 40.000.000 đồng/01 dự thảo.

b) Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương liên ngành, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (nếu có): Bằng 200% mức chi theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Tiền công biên soạn dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: bằng 60% mức chi được quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

4. Mức chi đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 10.000.000 đồng/01 báo cáo; chi đánh giá tác động của dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật: 6.000.000 đồng/01 báo cáo.

Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương có tính liên ngành, phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc gây phát sinh chi phí tuân thủ lớn cho doanh nghiệp, cơ quan chủ trì soạn thảo được thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập thực hiện đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, kinh phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đấu thầu.

5. Mức chi tổ chức các cuộc họp tổ soạn thảo, hội thảo chuyên đề, hội thảo tham vấn, góp ý đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

a) Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi;

b) Thư ký: 700.000 đồng/buổi;

c) Đại biểu tham dự: 500.000 đồng/người/buổi.

6. Mức chi lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học: 700.000 đồng/01 phiếu ý kiến; chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý: 2.000.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

7. Mức chi họp Hội đồng thẩm định quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

a) Chủ tịch Hội đồng: 1.800.000 đồng/buổi;

b) Thành viên: 1.500.000 đồng/người/buổi;

c) Chi lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên vắng mặt tại cuộc họp thẩm định: 1.000.000 đồng/01 phiếu ý kiến.

8. Mức chi đăng tải hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương lấy ý kiến rộng rãi; kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên cổng thông tin điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

1.000.000 đồng/01 hồ sơ/01 nơi đăng tải.

**Điều 6. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về đánh giá hiệu quả áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

Ngoài các mức chi quy định tại Điều 2 Quy định này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về đánh giá hiệu quả áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau:

1. Mức chi tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu, đánh giá, phân tích và xử lý thông tin, dữ liệu về hiệu quả áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra, thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Mức chi lấy ý kiến chuyên gia: 500.000 đồng/01 phiếu ý kiến đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

3. Chi hội thảo chuyên đề góp ý:

a) Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi;

b) Thư ký: 700.000 đồng/buổi;

c) Đại biểu: 300.000 đồng/người/buổi.

4. Tiền công lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 5.000.000 đồng/01 báo cáo.

**Điều 7. Mức chi cho nội dung chuyên môn về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố**

Ngoài các mức chi quy định tại Điều 2 Quy định này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố được quy định như sau:

1. Chi đánh giá thực trạng; nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tài liệu và kết quả nghiên cứu khoa học liên quan; tiền công lấy mẫu, tiền công phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử (nếu có) để xác định các chỉ tiêu, đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý của dự thảo tiêu chuẩn cơ sở; biên soạn báo cáo kết quả phân tích, thử

nghiệm, khảo nghiệm, vận hành hoặc áp dụng thử: Bằng 70% mức chi nội dung tương tự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Chi mua mẫu, thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu, vật tư, hóa chất để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành hoặc áp dụng thử; thuê dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử; trường hợp đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo tiêu chuẩn cơ sở, dự thảo sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn cơ sở có chức năng và cơ sở vật chất, năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tự thực hiện hoạt động phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: Thực hiện theo quy định mức chi nội dung tương tự được quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

3. Chi mua tài liệu, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, kết quả nghiên cứu khoa học liên quan: Thực hiện theo giá niêm yết hoặc báo giá hoặc giá bán của tài liệu, tiêu chuẩn cần mua.

4. Tiền công biên soạn dự thảo tiêu chuẩn cơ sở và thuyết minh dự thảo: 20.000.000 đồng/01 dự thảo tiêu chuẩn kèm thuyết minh.

5. Chi hội thảo chuyên đề, hội thảo góp ý hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn cơ sở:

a) Chủ trì: 1.000.000 đồng/buổi;

b) Thư ký: 500.000 đồng/buổi;

c) Đại biểu tham dự: 200.000 đồng/người/buổi.

6. Chi xin ý kiến chuyên gia đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: 500.000 đồng/01 phiếu ý kiến.

7. Chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: 1.000.000 đồng/bảng tổng hợp.

8. Chi thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn cơ sở.

a) Trường hợp thẩm tra theo phương pháp hội đồng thì mức chi cho thành viên hội đồng:

- Chủ tịch Hội đồng: 1.050.000 đồng/buổi

- Ủy viên phản biện: 700.000 đồng/người/ buổi

- Ủy viên: 490.000 đồng/người/buổi

b) Trường hợp thẩm tra theo phương pháp chuyên gia thì mức chi là

1.000.000 đồng/01 phiếu thẩm tra.

**Điều 8. Mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật**

Ngoài các mức chi quy định tại Điều 2 Quy định này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại Điều 8 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định như sau:

1. Chi mua bản quyền tài liệu, giáo trình, sách phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của tổ chức giữ bản quyền tài liệu, giáo trình.

2. Phí đăng ký các khóa đào tạo, tập huấn trong nước: Thực hiện theo yêu cầu, giá niêm yết hoặc báo giá của nơi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

3. Chi phát triển chương trình đào tạo, học phần, môn học về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND; tiền công lao động chi trả cho các cá nhân tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đề cương học phần, môn học và biên soạn giáo trình áp dụng theo mức chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại quy định nội dung và mức chi quản lý; nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

4. Chi đào tạo ở nước ngoài cho các chuyên gia lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đạt trình độ quốc tế: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND.

5. Chi thuê chuyên gia, giảng viên trong nước để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Tiền công được xác định theo yêu cầu của chuyên gia, giảng viên phù hợp với yêu cầu đặt hàng của cơ quan chủ trì và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế.

**Điều 9. Mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại**

Ngoài các mức chi quy định tại Điều 2 Quy định này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại Điều 10 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung chuyên môn về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại được quy định như sau:

1. Chi bảo đảm hoạt động của các cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại địa phương, bao gồm:

a) Tiền công lập báo cáo phân tích, đánh giá tác động của dự thảo biện pháp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại lên xuất khẩu của tỉnh nhằm phục vụ cảnh báo sớm cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý tại địa phương: 7.000.000 đồng/báo cáo.

b) Tiền công lập báo cáo, nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất nêu quan ngại thương mại của tỉnh với các biện pháp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của nước ngoài ảnh hưởng tới xuất khẩu của tỉnh (khi được giao hoặc phối hợp thực hiện): 7.000.000 đồng/báo cáo.

c) Tiền công lập báo cáo, nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất phương án xử lý quan ngại thương mại của các nước thành viên WTO đối với các biện pháp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Việt Nam (trường hợp địa phương được yêu cầu phối hợp): 7.000.000 đồng/báo cáo.

d) Chi họp tham vấn ý kiến cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hiệp hội và chuyên gia về các quan ngại thương mại đối với các biện pháp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại:

- Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi;

- Thư ký: 700.000 đồng/buổi;

- Đại biểu tham dự: 300.000 đồng/người/buổi.

đ) Mức chi biên soạn và phát hành bản tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại định kỳ, chuyên đề theo ngành hàng có thế mạnh xuất khẩu: Thực hiện theo quy định mức chi trả nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng tải trên trang thông tin điện tử và các tạp chí của tỉnh An Giang.

2. Công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà

nước của đơn vị chủ trì khi được giao thực hiện nhiệm vụ phân tích, đánh giá tác động các vấn đề về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và các quan ngại thương mại đối với các biện pháp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại không được áp dụng mức chi tiền công quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

**Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách nhà nước lĩnh vực sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chi cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh An Giang theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm:

a) Nguồn đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài;

b) Nguồn vốn từ chương trình, dự án hợp tác quốc tế, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật;

c) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động và sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác phải bảo đảm không làm thay đổi mục tiêu, nội dung, tính chất của hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan./.